TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:41/2021/HNGĐ-ST
Ngày:28/9/2021
"V/v Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Tấn Sĩ
2.Ông Nguyễn Trung Hoà
- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị T, sinh năm 1980, có mặt;
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
Bị đơn: Anh Ngô Trung T, sinh năm 1982, xin xét xử vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thạch Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân*: Vào năm 2015 chị T và anh T xác lập quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, đi uống rượu bia say về kiếm chuyện chửi, đánh đập chị, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng cho đến năm 2019 chị trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng chung sống không có con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Ngô Trung T xin xét xử vắng mặt và có lời khai thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung; về mâu thuẫn gia đình do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi vả nhau, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nên vợ chồng ly thân 02 năm, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để hòa giải, hàng gắn, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T ly hôn anh T. Về con chung: không có, về tài sản chung và nợ chung*:* Chị T và anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên xét cho chị T được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị T và anh T là tranh chấp về ly hôn; bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào ngày 09/11/2015 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh T hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị T xin ly hôn anh T, theo lời khai của chị T và anh T thì trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cải vã nhau, sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân, thời gian ly thân thì chị T và anh T không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không gặp nhau để thỏa thuận đoàn tụ, chị T trình bày không còn tình cảm với anh T ; về phía anh T thì cho rằng

vợ chồng không còn thương nhau nên anh chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh T là tự nguyện có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh T không có con chung nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả của vợ chồng:* Chị T và anh T không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

[5] Chị T là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí được quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên xét chị T không phải chịu án phí.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Chị Thạch Thị T được ly hôn anh Ngô Trung T.
- *Về con chung:* Chị T và anh T không có con chung nên không xem xét.
- *Về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả của vợ chồng:* Chị T và anh T không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Thạch Thị T không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Tranh